

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2023

**BẢNG TIẾP THU VÀ XỬ LÝ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
TẠI VĂN BẢN THẨM ĐỊNH SỐ 1731/BKHCN-TĐC NGÀY 08/6/2023 VỀ DỰ THẢO 03 QCVN**

- 1) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông đường sắt khi kiểm tra định kỳ (thay thế QCVN 15:2018/BGTVT)
- 2) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với đầu máy Điezen khi sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới (thay thế QCVN 16:2011/BGTVT)
- 3) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra, nghiệm thu toa xe khi sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu (thay thế QCVN 18:2018/BGTVT)

(Kèm theo Công văn số: 2170/ĐKVN-ĐS; 2171/ĐKVN-ĐS; 2172/ĐKVN-ĐS ngày 09 tháng 6 năm 2023)

| STT | Ý kiến của Bộ KHHCN | Giải trình của Ban soạn thảo |
|------------|---|--|
| 1. | Đề nghị bổ sung làm rõ căn cứ pháp lý về các vấn đề liên quan hoạt động đăng kiểm (như trình độ nhân sự, máy móc thiết bị, phương pháp thực hiện...) được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật | Ban soạn thảo căn cứ pháp lý về các vấn đề liên quan hoạt động đăng kiểm được quy định tại: 1. Tại Điều 32, Điều 34 tại Luật Đường sắt 2017 quy định phương tiện giao thông đường sắt sản xuất, lắp ráp hoặc hoán cải, phục hồi, nhập khẩu, trong quá trình khai thác sử dụng phải được tổ chức đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. 2. Tại Nghị định số 56/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải. Bộ Giao thông vận tải là cơ quan của Chính |

| | |
|---|---|
| <p>nào, để bảo đảm minh bạch trong quá trình thực hiện.</p> | <p>phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tại Quyết định số 2836/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam: Tổ chức thực hiện công tác đăng kiểm chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và các phương tiện, thiết bị khác (trừ phương tiện, thiết bị phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá).</p> <p>4. Trình độ nhân sự kiểm tra, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt được quy định tại Thông tư số 19/2018/BGTVT ngày 19/4/2018 Quy định về tiêu chuẩn Đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt, cụ thể như sau:</p> <p>“Điều 4. Tiêu chuẩn của Đăng kiểm viên đường sắt</p> <p><i>1. Đối với Đăng kiểm viên đường sắt</i></p> <p><i>a) Tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành đầu máy, toa xe, tàu điện metro, kỹ thuật hệ thống đường sắt, thông tin tín hiệu đường sắt;</i></p> <p><i>b) Ngoại ngữ: Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;</i></p> |
|---|---|

| | |
|--|--|
| | <p>c) Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Đạt yêu cầu trong kỳ đánh giá Đăng kiểm viên đường sắt trước khi công nhận Đăng kiểm viên đường sắt;</p> <p>đ) Có thời gian tập huấn, thực tập nghiệp vụ Đăng kiểm viên đường sắt đủ 01 (một) năm trở lên.</p> <p>2. Đối với Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao</p> <p>a) Có tổng thời gian giữ hạng Đăng kiểm viên đường sắt đủ 05 (năm) năm trở lên;</p> <p>b) Ngoại ngữ: Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;</p> <p>c) Đạt yêu cầu trong kỳ đánh giá Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao trước khi công nhận Đăng kiểm viên đường sắt bậc cao;</p> <p>d) Có thời gian tập huấn, thực tập nghiệp vụ về thẩm định hồ sơ thiết kế mới phương tiện đủ 02 (hai) năm trở lên.”</p> <p>“Điều 11. Trụ sở làm việc của tổ chức đăng kiểm đường sắt Tổ chức đăng kiểm đường sắt phải có văn phòng làm việc và phòng lưu trữ hồ sơ.”</p> <p>“Điều 12. Trang thiết bị kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt</p> <p>1. Ngoài các trang thiết bị văn phòng thông thường, tổ chức đăng kiểm đường sắt phải có tối thiểu trang thiết bị kiểm tra phục vụ đăng kiểm đường sắt, bao gồm:</p> |
|--|--|

| | | |
|----|--|--|
| | | <p>a) Dụng cụ đo kích thước (dụng cụ đo kích thước bánh xe, pan me, thước cặp, thước đo các loại);</p> <p>b) Thiết bị kiểm tra nhiệt độ;</p> <p>c) Thiết bị kiểm tra cách điện;</p> <p>d) Thiết bị kiểm tra vòng quay;</p> <p>đ) Thiết bị kiểm tra lưu lượng gió;</p> <p>e) Thiết bị kiểm tra chiều dày vật liệu;</p> <p>g) Thiết bị kiểm tra độ ồn;</p> <p>h) Thiết bị kiểm tra cường độ sáng;</p> <p>i) Thiết bị thử hãm đơn xa;</p> <p>k) Thiết bị đo cường độ từ trường.</p> <p>2. Các thiết bị phải được kiểm chuẩn định kỳ theo quy định pháp luật hiện hành.”</p> <p>5. Về phương pháp thực hiện:</p> <p>Kiểm tra từng phương tiện theo quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT.”</p> |
| 2. | <p>Đề nghị rà soát, đảm bảo tính chính xác mã HS chi tiết (8 số) cho các đối tượng quản lý của QCVN theo hướng</p> | <p>Tiếp thu, theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN, Ban soạn thảo đã rà soát toàn bộ nội dung dự thảo các QCVN, áp dụng và xác định đảm bảo tính chính xác mã HS chi tiết (8 số) cho các đối tượng quản lý của QCVN theo quy định tại Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Thông tư số 12/2022/BGTVT ngày</p> |

| | | |
|-----------|---|--|
| | dẫn tại Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN. | 30/6/2022 quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ giao thông vận tải. |
| 3. | Phạm vi và đối tượng áp dụng: Đề nghị xem lại đối tượng để tránh gây nhầm lẫn, chồng chéo quản lý. Nếu đầu máy, toa xe đã được thử nghiệm, chứng nhận hợp quy thì được miễn giảm kiểm tra khi đánh giá tổng thành phương tiện giao thông đường sắt. | <p>Tiếp thu, Ban soạn thảo đã rà soát lại phạm vi và đối tượng áp dụng của các dự thảo quy chuẩn và đảm bảo không có sự nhầm lẫn, chồng chéo quản lý, lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - QCVN 15:2023: áp dụng đối với các phương tiện GTĐS là đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng khi kiểm tra định kỳ, hoán cải, nhập khẩu đã qua sử dụng. - QCVN 16:2023: áp dụng đối với phương tiện GTĐS là đầu máy điêzen, phương tiện chuyên dùng tự hành được sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới. - QCVN 18:2023: áp dụng đối với phương tiện GTĐS là toa xe, phương tiện chuyên dùng không tự hành sản xuất lắp ráp và nhập khẩu. <p>- Về các quy định hợp quy: Các đối tượng thuộc phạm vi áp dụng tại các QCVN nêu trên đều là các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của:</p> <ul style="list-style-type: none"> +) Thông tư 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt. +) Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ GTVT. +) Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. |

- Đối với các tổng thành, linh kiện, thiết bị đã được kiểm tra chứng hợp quy, khi lắp lên phương tiện chỉ kiểm tra các quan hệ lắp ráp và kiểm tra tính năng hoạt động để đảm bảo đồng bộ với các bộ phận chi tiết khác trong tổng thể phương tiện.

- Mặt khác, khi kiểm tra phương tiện sản xuất lắp ráp để đảm bảo các linh kiện, thiết bị phụ tùng đã được chứng nhận hợp quy khi lắp lên phương tiện sẽ được miễn giảm kiểm tra, cụ thể như sau:

+) Đối với QCVN 16:2023/BGTVT: Không kiểm tra kích thước khung giá chuyển hướng, bộ trục bánh đối với đầu máy sản xuất lắp ráp

| | | | | | | |
|---|------------------|---|---|---|---|---|
| 7 | Giá chuyển hướng | Kiểm tra kích thước chính của khung giá chuyển hướng của phương tiện phải phù hợp với quy định tại điểm 2.7.1 | - | - | x | x |
| | | Kiểm tra trạng thái lắp đặt của giá chuyển hướng trên phương tiện phải phù hợp với quy định tại điểm 2.7.4. | x | x | x | x |
| | | Kiểm tra bộ trục bánh xe phù hợp quy định tại điểm 2.2. | - | - | x | x |

+)
+) Đối với QCVN 18:2023/BGTVT: Không kiểm tra biên dạng mặt lăn bánh xe, giang cách bánh xe, đường kính bánh xe đối với toa xe sản xuất lắp ráp.

| 10 | Giá chuyển hướng | | | | | |
|------|----------------------------|----|----|----|----|--|
| 10.1 | Kiểu loại giá chuyển hướng | KT | KT | KT | KT | Phù hợp với tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất |
| 10.2 | Biên dạng mặt lăn bánh xe | ☐ | ☐ | KT | KT | Phù hợp với 2.2.8.3 |
| 10.3 | Giang cách bánh xe | ☐ | ☐ | KT | KT | Phù hợp với 2.2.8.4 |
| 10.4 | Đường kính bánh xe | ☐ | ☐ | KT | KT | Phù hợp với 2.2.8.5 |

+)
+) Đối với QCVN 15:2023/BGTVT:

*) Quy định tại Bảng 1: Nội dung kiểm tra đầu máy ghi như sau: *“Đối với giá chuyển hướng, bộ trục bánh xe, bộ móc nối đỡ đã có giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường thì được miễn kiểm tra, đánh giá những nội dung đã được chứng nhận khi lần đầu lắp đặt vào đầu máy.”*

*) Quy định tại Bảng 2: Nội dung kiểm tra toa xe đường sắt quốc gia, toa xe đường sắt chuyên dùng ghi như sau:

“Đối với giá chuyển hướng, bộ trục bánh xe, bộ móc nối đỡ đã có giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường thì được miễn kiểm tra, đánh giá những nội dung đã được chứng nhận khi lần đầu lắp đặt vào toa xe đường sắt quốc gia, toa xe đường sắt chuyên dùng.”

- Cụ thể về phạm vi và đối tượng áp dụng của các dự thảo QCVN như sau:

+)
+) Đối với dự thảo QCVN 15:

“1.1 Phạm vi điều chỉnh

| | |
|--|---|
| | <p>1.1.1 Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật và việc kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông đường sắt khi kiểm tra định kỳ, hoán cải và nhập khẩu đã qua sử dụng có mã HS theo quy định tại Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, thể hiện ở Phụ lục A kèm theo quy chuẩn này.</p> <p>1.1.2 Quy chuẩn này không áp dụng đối với phương tiện giao thông đường sắt tốc độ cao, phương tiện giao thông đường sắt của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh và toa xe đường sắt đô thị hoán cải, nhập khẩu đã qua sử dụng.</p> <p>1.2 Đối tượng áp dụng</p> <p>Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng, nhập khẩu, khai thác, kiểm tra và chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt thuộc phạm vi điều chỉnh tại mục 1.1 của quy chuẩn này.”</p> <p>+) Đối với dự thảo QCVN 16:</p> <p>“1.1 Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1.1.1 Quy chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật và việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với đầu máy diesel, phương tiện chuyên dùng tự hành sử dụng trên hệ thống đường sắt Việt Nam khi sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới.</p> <p>1.1.2 Quy chuẩn này áp dụng cho đầu máy diesel có mã HS là 86 02 10.00; 86 02 90.00 và phương tiện chuyên dùng tự hành có mã HS là 8604.00.00 được quy định theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.</p> <p>1.1.3 Quy chuẩn này không áp dụng cho các loại phương tiện sau:</p> |
|--|---|

| | |
|--|--|
| | <p>a) Đầu máy diesel, phương tiện chuyên dùng tự hành của quân đội, công an sử dụng vào mục đích an ninh, quốc phòng;</p> <p>b) Đầu máy diesel sử dụng cho đường sắt tốc độ cao.</p> <p>1.2 Đối tượng áp dụng</p> <p>Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động thiết kế, sản xuất lắp ráp, nhập khẩu, kiểm tra chứng nhận, công bố hợp quy và quản lý đầu máy diesel và phương tiện chuyên dùng tự hành trên đường sắt.”</p> <p>+) Đối với dự thảo QCVN 18:</p> <p>“1.1 Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1.1.1 Quy chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật và việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các loại phương tiện sau:</p> <p>a) Toa xe, PTCD không tự hành sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu mới;</p> <p>b) Toa xe đường sắt đô thị nhập khẩu mới;</p> <p>c) Phương tiện giao thông đường sắt nhập khẩu mới có mã HS là 86.03, 86.04, 8605.00.00 và 86.06 theo quy định tại Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.</p> <p>1.1.2 Quy chuẩn này không áp dụng đối với các loại phương tiện sau:</p> <p>Phương tiện giao thông đường sắt của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh;</p> <p>Phương tiện giao thông đường sắt tốc độ cao; phương tiện giao thông đường sắt nhập khẩu đã qua sử dụng, toa xe đường sắt đô thị sản xuất, lắp ráp.</p> <p>1.2 Đối tượng áp dụng</p> |
|--|--|

| | | |
|----|--|--|
| | | <i>Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động quản lý, sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, kiểm tra, chứng nhận các loại phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh tại điểm 1.1 của quy chuẩn này.”</i> |
| 4. | Đề nghị rà soát, quy định cụ thể các quy định về chỉ tiêu kỹ thuật, tránh đưa ra các quy định kỹ thuật mang tính định tính, chưa định lượng được. Bổ sung đầy đủ các phương pháp kiểm tra, thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật và an toàn tương ứng đã quy định trong dự thảo QCVN. | Tiếp thu, Ban soạn thảo đã rà soát, quy định cụ thể các quy định về chỉ tiêu kỹ thuật và đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện các QCVN này, phù hợp với thực tế kiểm tra. |
| 5. | Đề nghị bổ sung quy định: “Các phương tiện đo sử dụng để kiểm tra, thử nghiệm các chỉ tiêu thuộc các QCVN này phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy | Tiếp thu, Ban soạn thảo các QCVN đã bổ sung quy định kiểm soát về đo lường theo quy định đối với phương tiện đo sử dụng để kiểm tra, thử nghiệm các chỉ tiêu thuộc các QCVN, cụ thể như sau: +) Đối với QCVN 15: - <i>“2.3.4.6 Van hãm khẩn và đồng hồ áp suất trên toa xe khách (trừ toa xe hành lý), toa xe trưởng tàu: phải hoạt động bình thường và đồng hồ áp suất phải được <u>kiểm soát về đo lường theo quy định</u>, còn hạn sử dụng, sau đó tiến hành kẹp chì niêm phong.”</i> |

| | |
|-------------------------------------|--|
| <p>định pháp luật về đo lường”.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - “2.4.8.2 Đèn chiếu sáng trong buồng khách phải đảm bảo các yêu cầu sau: b) <i>Khi sử dụng nguồn cấp điện trong tình huống khẩn cấp thì độ rọi của đèn khẩn cấp phải phù hợp với tài liệu kỹ thuật phương tiện. Sử dụng lux kế để đo độ rọi, <u>lux kế phải được kiểm soát về đo lường theo quy định.</u>”</i> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 6 Bảng 2 “<i>Phù hợp với quy định tại 2.3.4. Kiểm tra tính năng hoạt động hệ thống hãm bằng thiết bị chuyên dùng. Đồng hồ đo áp suất của thiết bị thử hãm chuyên dùng phải làm việc bình thường và <u>phải được kiểm soát về đo lường theo quy định.</u>”</i> +) Đối với QCVN 18: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm b, mục A1, Phụ lục A: “<i>Đồng hồ đo áp suất của thiết bị thử hãm làm việc bình thường và <u>phải được kiểm soát về đo lường theo quy định.</u>”</i> - Điểm b, mục A2, Phụ lục A: “<i>Đồng hồ áp suất trên toa xe làm việc bình thường, cấp chính xác không dưới 1,5 và <u>phải được kiểm soát về đo lường theo quy định.</u>”</i> - Mục B1, Phụ lục B “<i>Dụng cụ đo: Sử dụng lux kế để đo độ rọi, <u>lux kế phải được kiểm soát về đo lường theo quy định.</u>”</i> - Mục C1.1, Phụ lục C: “<i>Thiết bị và đồng hồ đo có trạng thái làm việc bình thường và <u>phải được kiểm soát về đo lường theo quy định.</u>”</i> - Mục D1.2, Phụ lục D: “<i>Máy đo mức âm có trạng thái làm việc bình thường và <u>phải được kiểm soát về đo lường theo quy định.</u>”</i> - Mục E2, Phụ lục E: “<i>Thiết bị cân”Việc kiểm tra phải tiến hành trên thiết bị cân chuyên dùng, <u>thiết bị phải được kiểm soát về đo lường theo quy định.</u>”</i> +) Đối với QCVN 16: |
|-------------------------------------|--|

| | | |
|-----------|---|---|
| | | <p>- Mục C4, Phụ lục C: “Việc kiểm tra phải tiến hành trên bàn cân hoặc bộ cân di động chuyên dùng. Thiết bị cân phải được kiểm soát về đo lường theo quy định. Thiết bị cân phải được kiểm soát về đo lường theo quy định.”</p> |
| <p>6.</p> | <p>Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về phương thức đánh giá, chứng nhận hợp quy để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN.</p> | <p>Tiếp thu, Ban soạn thảo rà soát lại và giải trình như sau:</p> <p>- Về phương thức kiểm tra đánh giá, chứng nhận hợp quy đối với loại hình kiểm tra định kỳ, hoán cải, sản xuất lắp ráp, nhập khẩu phương tiện giao thông đường sắt đã được quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT.”, cụ thể như sau:</p> <p>+) Đối với loại hình Kiểm tra sản xuất, lắp ráp được quy định tại khoản 4, khoản 5, Điều 5 như sau:</p> <p>“4. Nội dung kiểm tra:</p> <p><u>a) Kiểm tra theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và hồ sơ thiết kế;</u></p> <p>.....</p> <p>5. Phương thức kiểm tra:</p> <p>a) Đối với <u>phương tiện, tổng thành, thiết bị: kiểm tra từng sản phẩm;</u></p> <p>b) Đối với <u>linh kiện: kiểm tra mẫu điển hình cho từng lô linh kiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;</u></p> <p><u>c) Đối với toa xe đường sắt đô thị: kiểm tra từng phương tiện và kiểm tra khi được ghép thành đoàn tàu.”</u></p> |

| | |
|--|--|
| | <p>+) Đối với loại hình Kiểm tra nhập khẩu được quy định tại khoản 3, khoản 5, Điều 6 như sau:</p> <p><i>“3. Nội dung kiểm tra:</i></p> <p><u><i>a) Kiểm tra theo các nội dung quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;</i></u></p> <p>.....</p> <p><i>5. Phương thức kiểm tra:</i></p> <p><i>a) Đối với phương tiện, tổng thành, thiết bị: <u>kiểm tra từng sản phẩm;</u></i></p> <p><i>b) Đối với linh kiện: kiểm tra mẫu điển hình cho từng lô linh kiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;</i></p> <p><i>c) Đối với toa xe đường sắt đô thị: <u>kiểm tra từng phương tiện và kiểm tra khi được ghép thành đoàn tàu theo cấu hình khai thác.”</u></i></p> <p>+) Đối với loại hình Kiểm tra hoán cải được quy định tại khoản 3, khoản 4, Điều 7 như sau:</p> <p><i>“3. Nội dung kiểm tra: <u>kiểm tra theo các nội dung quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và hồ sơ thiết kế.</u></i></p> <p><i>4. Phương thức kiểm tra: <u>kiểm tra từng phương tiện. Riêng toa xe đường sắt đô thị kiểm tra từng phương tiện và kiểm tra khi được ghép thành đoàn tàu theo cấu hình khai thác.”</u></i></p> <p>+) Đối với loại hình Kiểm tra định kỳ được quy định tại khoản 4, khoản 5, Điều 8 như sau:</p> <p><i>“4. Nội dung kiểm tra:</i></p> |
|--|--|

| | | |
|----|---|--|
| | | <p><i>a) Kiểm tra theo các nội dung quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;</i></p> <p>.....</p> <p><i>5. Phương thức kiểm tra: <u>kiểm tra từng phương tiện hoặc thiết bị tín hiệu đuôi tàu. Riêng toa xe đường sắt đô thị kiểm tra từng phương tiện và kiểm tra khi được ghép thành đoàn tàu theo cấu hình khai thác.</u></i></p> <p>- Ban soạn thảo cũng bổ sung quy định quản lý vào 3 dự thảo QCVN 15, 16, 18 như sau:</p> <p><i>“4. Quy định quản lý</i></p> <p><i>4.2 Việc kiểm tra, chứng nhận phương tiện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu phương tiện thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT.”</i></p> |
| 7. | <p>Đề nghị làm rõ việc tổ chức đăng kiểm thực hiện kiểm tra phương tiện giao thông đường sắt <i>“trước hay sau khi sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu”</i>.</p> | <p>Thời điểm tổ chức đăng kiểm thực hiện kiểm tra phương tiện giao thông đường sắt được quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT.”, cụ thể như sau:</p> <p>- Tại khoản 4 Điều 6:</p> <p><i>“Thời điểm kiểm tra:</i></p> <p><i>a) Đối với phương tiện: thời điểm kiểm tra được thực hiện sau khi đã đăng ký tờ khai hải quan và phương tiện đã được đưa về địa điểm đề nghị kiểm tra;”</i></p> |

| | | |
|------------------|---|---|
| | | <p>- Điểm d, khoản 3 Điều 5:</p> <p><i>“3. Hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm:</i></p> <p>.....</p> <p><i>d) Báo cáo kết quả kiểm tra, thử nghiệm của phương tiện, tổng thành, thiết bị, linh kiện của nhà sản xuất hoặc tổ chức thử nghiệm.”</i></p> <p>Chủ phương tiện, cơ sở sửa chữa bảo dưỡng tự kiểm tra phương tiện, lập báo cáo kiểm tra, sau đó tiến hành gửi báo cáo kiểm tra cho tổ chức đăng kiểm.</p> |
| <p>8.</p> | <p>Quy định cụ thể số hiệu văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, nhằm đảm bảo tính minh bạch, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân áp dụng khi QCVN ban hành.</p> | <p>Tiếp thu, Ban soạn thảo thống nhất sửa như góp ý, cụ thể</p> <p>- Sửa vào QCVN 18 như sau:</p> <p><i>“Việc kiểm tra, chứng nhận phương tiện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu phương tiện thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT.”</i></p> <p>- Sửa vào QCVN 16 như sau:</p> <p><i>“Việc kiểm tra, chứng nhận phương tiện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT.”</i></p> <p>- Sửa vào QCVN 15 như sau:</p> |

| | | |
|----|---|---|
| | | <p><i>“Việc kiểm tra, chứng nhận phương tiện giao thông đường sắt khi kiểm tra định kỳ, hoán cải, nhập khẩu đã qua sử dụng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT.”</i></p> |
| 9. | <p>Đề nghị làm rõ khái niệm <i>“Tổ chức đăng kiểm Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện Quy chuẩn này”</i> là tổ chức nào.</p> | <p>Tiếp thu, Ban soạn thảo đã bổ sung thuật ngữ <i>“Cơ quan kiểm tra”</i> để làm rõ khái niệm <i>“Tổ chức đăng kiểm Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện Quy chuẩn này”</i>, cụ thể như sau:</p> <p>“Cơ quan kiểm tra</p> <p>Cơ quan kiểm tra là Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường các loại phương tiện theo quy định của quy chuẩn này.”</p> |